TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Bà Trần Xuân Đạm

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phi L**, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Ninh Thạnh, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Minh T**, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Ninh Phước, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ñôn khởi kiện đề ngaøy 06 thaùng 5 naêm 2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Phi L trình baøy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Trước khi sống chung vợ chồng có tìm hiểu nhau vài tháng tháng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không

hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Minh T.

- Về con: Ông và bà Thủy không có con chung và con nuôi. Vì vậy, ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bò ñôn – bà Đỗ Thị Minh T trình baøy:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Phi L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Trước khi sống chung vợ chồng có tìm hiểu nhau khoảng 02 tháng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến 3/2022 thì phát sinh mâu, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Long ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Hiện bà không mang thai và không nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Nay ông Long (chồng bà) yêu cầu ly hôn với bà thì bà hoàn toàn đồng ý.

- Về con: Bà và ông Long không có con chung và con nuôi. Vì vậy, bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Nguyên đơn – ông Nguyễn Phi L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ly hôn với bị đơn – bà Đỗ Thị Minh T. Yêu cầu của nguyên đơn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện cư trú tại huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1979 cùng bà Đỗ Thị Minh T, sinh năm 1985 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa ông Long và bà Thủy là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông Long, bà Thủy cùng xác định có mâu thuẫn và vợ

chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông Long và bà Thủy đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bà Thủy xác định hiện không có mang thai và không có nuôi con dưới 12 tháng tuổi, đồng thời bà Thủy cũng đồng ý ly hôn với ông Long, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Long.

[2] Về con: Các bên xác định không có con chung và không có con nuôi, đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông Long phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Phi L

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Phi L được ly hôn với bà Đỗ Thị Minh T
- Về con, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Phi L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà ông Long đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0009855 ngày 25/5/2022.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *UBND thị trấn Lộc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Đông Kết;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Minh